

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Thuý.

+ Ông Phạm Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 02/02/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB – TA ngày 30/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn BT, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải D-ong; Địa chỉ: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải D-ong - *(có mặt)*

2. Bi đơn: Anh **Đỗ Văn L**, sinh năm 1983.

HKTT: Thôn BT, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải D-ong. Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Hoàng Tiến - Chí L - Hải D-ong - *(Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)*

3. Người làm chứng: Ông **Đỗ Văn C**, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn BT, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải D-ong - *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2017 của chị **Bùi Thị T** và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Chị và anh **Đỗ Văn L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 28/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, anh L chơi bởi nghiện ma túy không chịu làm ăn, không lo toan kinh tế gia đình. Năm 2012 anh vi phạm pháp luật đã bị Toà án huyện Gia Lộc xét xử 4 năm tù, sau khi chấp hành án xong về địa phương được thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội và bị Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh L không thay đổi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh L để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Minh Đ, sinh ngày 01/9/2007 và Đỗ Thị DQ, sinh ngày 28/11/2011. Hiện nay các con đang ở với chị, khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại bản tự khai của anh Đỗ Văn L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị Nhung trình bày. Trong quá trình chung sống đến năm 2012 vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh vi phạm pháp luật đã phải đi chấp hành án tại trại giam, sau khi chấp hành án trở về địa phương do công việc không thuận lợi anh chán nản dẫn đến chơi bởi ma túy. Tháng 11/2016 anh bị Toà án quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù. Trong thời gian anh ở trong trại chị chưa lần nào đến thăm gặp động viên anh nhưng anh xác định lỗi do anh, anh không trách chị và mong muốn chị T suy nghĩ lại chờ anh chấp hành án về để vợ chồng đoàn tụ. Chị có đơn xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Do anh đang phải chấp hành án nên anh đồng ý để cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung là Đỗ Minh Đ, sinh ngày 01/9/2007 và Đỗ Thị DQ, sinh ngày 28/11/2011.

Tại phiên toà: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L, và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Đỗ Văn L; Về con chung: Giao con chung Đỗ Minh Đ, sinh ngày 01/9/2007 và Đỗ Thị DQ, sinh ngày 28/11/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn L có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, do anh chơi bời ma tuý không chịu làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, nhiều lần vi phạm pháp luật. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị đ-ợc ly hôn anh L, anh L xác định anh vẫn còn tình cảm với chị, anh đề nghị giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ. Mặc dù anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị tại địa phương nơi cư trú cũng như thân nhân của anh L đều có cùng quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh L đã xảy ra do anh L vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc. Do vậy, cần xử cho chị T ly hôn với anh L là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Đỗ Minh Đ, sinh ngày 01/9/2007 và Đỗ Thị DQ, sinh ngày 28/11/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh L không nhất trí ly hôn nhưng đồng ý để chị tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, anh L để cho chị tiếp tục nuôi cả hai con chung. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của Pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Đỗ Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ Minh Đ, sinh ngày 01/9/2007 và Đỗ Thị DQ, sinh ngày 28/11/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn; được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AB/2014/0003687 ngày 03/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị Bùi Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/02/2018); bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã TT.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thanh Giang